

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 827/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 11 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-BCT ngày 23/9/2025 của Bộ Công Thương phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 47/TTr-SCT ngày 02/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Tiến



CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 11/3/2026
của UBND tỉnh Quảng Trị)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Kích hoạt, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, tạo động lực mới thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đẩy mạnh các hoạt động khuyến công theo hướng kết hợp giữa Nhà nước với doanh nghiệp, theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số; tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành thâm dụng tài nguyên và lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ; nâng cao năng suất chất lượng, giá trị gia tăng của các sản phẩm công nghiệp nông thôn (CNNT).

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững hướng đến các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp carbon thấp gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT nâng cao năng lực cạnh tranh, thích ứng với các tiêu chuẩn thị trường quốc tế và tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu; hỗ trợ sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của địa phương hướng đến xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng từ 07 đến 08 mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Hỗ trợ 220 đến 250 cơ sở CNNT đầu tư chuyển giao, ứng dụng máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Hỗ trợ 05 đến 07 cơ sở tư vấn, đánh giá và xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững và nhân rộng mô hình áp dụng; Hỗ trợ đầu tư xử lý môi trường cho 05 đến 06 cơ sở CNNT; hỗ trợ đầu tư xử lý môi trường cho 02 đến 03 cụm công nghiệp.

- Hỗ trợ mở từ 03 đến 04 lớp đào tạo nghề cho khoảng 100 đến 150 lao động theo nhu cầu của các cơ sở CNNT; từ 03 đến 04 lớp đào tạo nghề khác (nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý, nghệ nhân, thợ giỏi...) cho 100 đến 120 học viên.

- Tổ chức 03 kỳ bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh. Hỗ trợ tổ chức 05 đến 07 hội chợ có cơ sở CNNT trên địa bàn tham gia, trong đó 02 hội chợ

hàng CNNT. Hỗ trợ cho 350-360 lượt cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Hỗ trợ 15 đến 20 cơ sở CNNT thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói. Hỗ trợ 08 đến 10 cơ sở CNNT đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở CNNT. Hỗ trợ 05 đến 07 cơ sở CNNT ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức 06 đến 08 đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; 10 lớp tập huấn, hội thảo, diễn đàn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 500 đến 700 lượt cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ khuyến công các cấp và cơ sở CNNT.

- Tăng cường tư vấn, trợ giúp thông tin cho cơ sở CNNT. Đa dạng hóa các hình thức thông tin truyền thông; tăng mạnh số lượng các cơ sở CNNT nắm bắt và chủ động tham gia các nội dung hoạt động khuyến công.

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cho cán bộ, cộng tác viên khuyến công. Tạo lập hệ thống quản lý đề án khuyến công, sản phẩm CNNT tiêu biểu theo mô hình số hóa thống nhất từ trung ương đến địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

- Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia chuỗi ngành hàng, chuỗi giá trị. Hình thành các mô hình/cụm liên kết sản xuất - tiêu thụ - logistics trong các ngành chế biến nông lâm thủy sản; dệt may; thủ công mỹ nghệ.

II. YÊU CẦU

1. Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề trên địa bàn.

2. Thực hiện có chất lượng, hiệu quả chương trình, bảo đảm phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh.

3. Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức xã hội trong chỉ đạo, phối hợp, triển khai các hoạt động khuyến công. Nâng cao vai trò, vị thế của các cơ quan quản lý Nhà nước về Công Thương ở các xã, phường, đặc khu, năng lực thực hiện của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, tạo sự gắn kết với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng áp dụng

- a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường, đặc khu; Các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn);

- b) Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp;

- c) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ;

d) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

2. Phạm vi áp dụng

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 nhằm khuyến khích hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất CNNT, áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

IV. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Tập trung đẩy mạnh các hoạt động khuyến công giai đoạn 2026 - 2030 theo những nội dung chủ yếu sau:

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

a) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Ưu tiên xây dựng các mô hình về chế biến sâu, chế biến tinh các sản phẩm nông lâm thủy sản, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp; mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tuần hoàn, sản xuất sạch, mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn; mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của địa phương;

b) Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ mới, tiên tiến hiện đại vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đổi mới, nâng cấp quy trình sản xuất theo hướng tự động hóa, nâng cao năng suất chất lượng và gia tăng giá trị sản phẩm;

c) Hỗ trợ tư vấn, đánh giá, lựa chọn giải pháp và xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; phổ biến, tập huấn, đào tạo cho các cơ sở CNNT tiếp cận các nội dung về sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững;

d) Hỗ trợ liên kết các cơ sở CNNT với các cơ sở đào tạo trong nghiên cứu, sản xuất máy móc thiết bị tiên tiến; kết nối cung cầu về đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến cho các cơ sở CNNT.

2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT

a) Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh; hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm CNNT, sản phẩm thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia các hội chợ, triển lãm, hội nghị kết nối giao thương và các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước;

b) Hỗ trợ tổ chức thi thợ giỏi nghề thủ công mỹ nghệ, thi thiết kế mẫu sản

phẩm thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu; hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm;

c) Hỗ trợ các hoạt động xét tặng, trao tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động truyền nghề, tập nghề, phổ biến kinh nghiệm phát triển nghề của các nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ;

d) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp và xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Hỗ trợ xây dựng website, gian hàng số, tài khoản mạng xã hội, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm CNNT và các hoạt động số hóa khác.

3. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở CNNT

a) Hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp;

b) Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cụm công nghiệp, cơ sở CNNT.

4. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, nâng cao năng lực quản lý, tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT

a) Hỗ trợ đào tạo theo đơn đặt hàng cho các cơ sở CNNT, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong các khâu của quá trình đào tạo. Các ngành nghề ưu tiên hỗ trợ đào tạo: giải quyết nhiều việc làm, sản xuất sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu, khôi phục phát triển ngành nghề truyền thống, đào tạo kiến thức pháp luật, kinh doanh, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn;

b) Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Hỗ trợ, đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững;

c) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật, giám đốc điều hành; bồi dưỡng nâng cao cho nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp, người có tay nghề cao để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn; Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên, đội ngũ cán bộ chuyên sâu về sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

5. Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển CNNT, công tác truyền thông

a) Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử và các hình thức thông tin đại chúng khác. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông;

b) Tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế

mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất CNNT. Hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước;

c) Hỗ trợ công bố thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, thông tin chỉ dẫn kinh doanh, tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, các thông tin khác theo nhu cầu của cơ sở CNNT phù hợp với quy định của pháp luật trên hệ thống trang thông tin điện tử.

6. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

a) Kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công. Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại;

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công;

c) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công. Xây dựng, tổ chức hoặc tham gia thực hiện hoạt động khuyến công trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế trong và ngoài nước;

d) Tăng cường hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, cộng tác viên khuyến công;

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin; tạo lập hệ thống quản lý đề án khuyến công quốc gia theo mô hình số hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

e) Cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về quản lý khuyến công;

g) Kiểm tra giám sát, xây dựng cơ chế chính sách, quản lý chương trình đề án khuyến công.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2026 - 2030: Dự kiến khoảng 54,6 tỷ đồng, trong đó khuyến công địa phương 41,6 tỷ đồng, nguồn hỗ trợ từ khuyến công quốc gia khoảng 13 tỷ đồng. Ngoài kinh phí trên, các xã, phường, đặc khu bố trí khoảng 80 tỷ đồng để hỗ trợ thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn.

2. Phân kỳ kinh phí khuyến công địa phương:

- Năm 2026: 7,6 tỷ đồng.
- Năm 2027: 8,5 tỷ đồng.
- Năm 2028: 8,5 tỷ đồng.
- Năm 2029: 8,5 tỷ đồng.
- Năm 2030: 8,5 tỷ đồng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan chủ trì triển khai Chương trình, có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn UBND các xã, phường, đặc khu, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công của tỉnh phù hợp với quy định pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình, gửi Sở Tài chính thẩm định, bố trí dự toán kinh phí hàng năm, trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại xây dựng các đề án Khuyến công quốc gia; thẩm định cấp cơ sở gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công tổng hợp trình Bộ Công Thương theo quy định.

- Hướng dẫn, chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại triển khai các hoạt động khuyến công theo chương trình, kế hoạch đã được Bộ Công Thương và UBND tỉnh phê duyệt. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định của pháp luật.

- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công về tình hình thực hiện công tác khuyến công trên địa bàn; đánh giá sơ kết, tổng kết chương trình và khen thưởng theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu bố trí nguồn kinh phí khuyến công trong dự toán ngân sách hàng năm, trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thẩm định, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương tổ chức đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ (nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế), ứng dụng và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

5. Kho bạc Nhà nước khu vực XII

Thực hiện kiểm soát, thanh toán cho từng nhiệm vụ của Chương trình theo hướng dẫn chế độ chi tiêu, chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước của Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan.

6. Các sở, ban, ngành có liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp với Sở Công Thương xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn kinh phí khuyến công, thực hiện lồng ghép với các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác có liên quan đến phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tránh trùng lặp với nội dung Chương trình khuyến công.

7. UBND các xã, phường, đặc khu

- Phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành liên quan thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn để thực hiện các nội dung, mục tiêu của Chương trình; phổ biến, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình khuyến công trên địa bàn.

- Ban hành kế hoạch khuyến công hàng năm của địa phương để hỗ trợ phát triển CNNT trên địa bàn theo các nội dung của Chương trình và các chính sách quy định; tùy theo tình hình thực tế và nguồn kinh phí của địa phương để bố trí kinh phí cho hoạt động khuyến công trên địa bàn.

8. Các đơn vị, cơ sở thụ hưởng các đề án khuyến công

- Lập đề án chi tiết và dự toán kinh phí thực hiện; cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hoạt động của đơn vị để làm căn cứ thẩm định đề án.

- Tổ chức triển khai thực hiện đề án theo các nội dung, tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, có hiệu quả và tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền kiểm tra, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện đề án của đơn vị./.

PHỤ LỤC

NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **827/QĐ-UBND** ngày **11/3** /2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030															Tổng cộng		
			Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030					
			KCQG	KCĐP	T.SỐ	KCQG	KCĐP	T.SỐ	KCQG	KCĐP	T.SỐ	KCQG	KCĐP	T.SỐ	KCQG	KCĐP	T.SỐ	KCQG	KCĐP	T.SỐ
I	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững																			
1	Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới	Mô hình	1		1		1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2	4	4	8
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ mới, tiên tiến hiện đại vào các khâu sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp. Đổi mới, nâng cấp quy trình sản xuất theo hướng tự động hóa, nâng cao năng suất chất lượng và gia tăng giá trị sản phẩm	Cơ sở	3	40	43	3	45	48	3	47	50	4	50	54	5	50	55	18	232	250
3	Hỗ trợ tư vấn, đánh giá, lựa chọn giải pháp và xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; Phổ biến, tập huấn các nội dung về sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững	Cơ sở		1	1		1	1		1	1		2	2		2	2	0	7	7
II	Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn																			
1	Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Cuộc		1	1					1	1					1	1	0	3	3
2	Tổ chức hội chợ có cơ sở CNNT tham gia	Hội chợ		1	1		1	1		1	1		2	2		2	2	0	7	7
3	Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước	Lượt		60	60		70	70		70	70		80	80		80	80	0	360	360
4	Hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu đối với sản phẩm CNNT	Cơ sở		3	3		4	4		4	4		4	4		5	5	0	20	20

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030															Tổng cộng		
			Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030					
			KCQG	KCĐP	T.SỐ	KCQG	KCĐP	T.SỐ	KCQG	KCĐP	T.SỐ	KCQG	KCĐP	T.SỐ	KCQG	KCĐP	T.SỐ	KCQG	KCĐP	T.SỐ
5	Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm	Cơ sở		2	2		2	2		2	2		2	2		2	2	0	10	10
6	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Hỗ trợ xây dựng website, gian hàng số, tài khoản mạng xã hội, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm CNNT và các hoạt động số hóa khác.	Hệ thống cơ sở dữ liệu		1	1		1	1		2	2		2	2		3	3	0	9	9
III	Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn																			
1	Hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp	Hội nghị		1	1		2	2		2	2	1	2	3		2	2	1	9	10
2	Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cụm công nghiệp	Cụm								1	1	1		1		1	1	1	2	3
3	Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cơ sở CNNT	Cơ sở					1	1	1	1	2		1	1		2	2	1	5	6
IV	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; nâng cao năng lực quản lý; tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn																			
1	Đào tạo nghề theo nhu cầu của các cơ sở CNNT, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong các khâu của quá trình đào tạo	Lớp			0		1	1		1	1		1	1		1	1	0	4	4
2	Các hình thức đào tạo khác (đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật; nghề nhân thủ công nghiệp, người có tay nghề cao; đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên, đội ngũ cán bộ chuyên sâu về sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững)	Lớp			0		1	1		1	1		1	1		1	1	0	4	4
3	Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Hỗ trợ, đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Cơ sở		1	1		2	2		2	2		3	3		3	3	0	11	11

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030															Tổng cộng		
			Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030					
			KCQG	KCDP	T.SỐ	KCQG	KCDP	T.SỐ	KCQG	KCDP	T.SỐ	KCQG	KCDP	T.SỐ	KCQG	KCDP	T.SỐ	KCQG	KCDP	T.SỐ
V	Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển công nghiệp nông thôn; công tác truyền thông																			
1	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư, marketing, quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ thiết bị mới liên quan đến sản xuất CNNT	Cơ sở		2	2		3	3		3	3		3	3		4	4		15	15
2	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh	Cơ sở		1	1		1	1		1	1		2	2		2	2		7	7
3	Hội nghị phổ biến, hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư về đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước	Hội nghị		1	1		1	1		1	1		1	1		1	1		5	5
VI	Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công															0				
1	Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	Máy tính		1	1		1	1		1	1		1	1		1	1		5	5
2	Tổ chức tập huấn, hội thảo, diễn đàn, hội nhập kinh tế quốc tế, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ QLNN, cán bộ làm công tác khuyến công và các cơ sở CNNT	Lớp		2	2		2	2		2	2		2	2		2	2	0	10	10
3	Tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; Tham dự hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công	Đoàn		1	1		2	2		2	2		2	2		1	1		8	8